**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**----------------------**

**LUẬT**

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU**

**CỦA LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG**

*Dự thảo đề cương Luật*

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014.*

**Điều 1**

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014:

1. Điểm b khoản 1 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“b.Dự án không có cấu phần xây dựng là *dự án mua sắm tài sản, lắp đặt trang thiết bị không có cấu phần xây dựng hoặc có cấu phần xây dựng nhưng chiếm tỷ lệ từ 1-5% tổng mức đầu tư dự án và không quá 15 tỷ đồng*, nhận chuyển nhượng sử dụng đất, mua, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, máy móc và dự án khác không quy định tại điểm a khoản này.”

2. Điểm a,b,c khoản 1 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Bãi bỏ điểm a khoản 1 Điều 8.

b và c) *Dự án tối mật, tuyệt mật. Mức độ mật của Dự án do cơ quan ban hành chủ trương đầu tư xác định theo quy định của pháp luậtDự án tại khu vực I (vùng lõi) của di tích quốc gia đặc biệt*”.

3. Khoản 6 Điều 23 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“*6.* Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư, bao gồm mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện. *Riêng nội dung chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ đối với dự án thực hiện theo hình thức đối tác công tư thực hiện theo quy định của Chính phủ*”.

4. Điểm a khoản 2 Điều 29 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 của Luật này hoặc giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

5. Bổ sung khoản 4 Điều 29 như sau:

“a) Đối với dự án do cấp huyện, cấp xã quản lý, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến. Sau khi Hội đồng nhân dân chấp thuận, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã chỉ đạo hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

d) Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư của dự án bao gồm mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện”.

6. Khoản 4 Điều 30 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư *dự án do cấp tỉnh quản lý* bao gồm mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện.”

7. Điểm c khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 31 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Đối với dự án sử dụng vốn cân đối ngân sách địa phương cấp huyện và vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương cấp huyện:

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư đối *với dự án do cấp huyện quản lý*, bao gồm mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện.

2. Đối với dự án sử dụng vốn cân đối ngân sách địa phương cấp xã và vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương cấp xã:

b) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án do cấp xã quản lý, bao gồm mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện”.

8. Bãi bỏ điểm c khoản 3 Điều 39.

9. Khoản 2 Điều 46 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Cấp có thẩm quyền quyết định dự án theo quy định tại Điều 39 của Luật này thực hiện việc điều chỉnh dự án trong các trường hợp sau:

a) Do các nguyên nhân bất khả kháng làm thay đổi về mục tiêu, nội dung đầu tư, chi phí và thời gian thực hiện dự án;

b) Do ảnh hưởng của sự cố thiên tai, hỏa hoạn và các yếu tố bất khả kháng khác khi đã hết thời gian bảo hiểm của dự án;

c) Xuất hiện các yếu tố mang lại hiệu quả cao hơn về tài chính, kinh tế - xã hội do việc điều chỉnh dự án mang lại và được cơ quan có thẩm quyền thẩm định;

d) Khi điều chỉnh quy hoạch ảnh hưởng trực tiếp tới dự án;

đ) Khi chỉ số giá trong thời gian thực hiện dự án lớn hơn chỉ số giá được sử dụng để tính dự phòng trượt giá trong tổng mức đầu tư dự án được cấp có thẩm quyền quyết định

*Riêng đối với trường hợp điều chỉnh làm tăng tổng mức đầu tư dự án: Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh dự án từ nhóm C hoặc B lên nhóm A. Giao Chính phủ hướng dẫn việc điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án từ nhóm C lên nhóm B và điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư nhưng không làm thay đổi phân loại dự án*”.

10. Khoản 1 Điều 55 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư (trừ dự án chuẩn bị đầu tư)”.

11. Khoản 6 Điều 58 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. *Trước ngày 31 tháng 01 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn, Chính phủ xác định khả năng cân đối ngân sách nhà nước cho chi đầu tư phát triển trong giai đoạn sau”.*

12. Bãi bỏ quy định Khoản 3,4,5,6,7,8,9 Điều 59 Luật Đầu tư công.

13. Điểm d khoản 3 và điểm c khoản 4 Điều 75 được sửa đổi, bổ sung như sau:

*“3*. Thủ tướng Chính phủ căn cứ tình hình cụ thể trong kỳ kế hoạch quyết định điều chỉnh:

d) Kế hoạch đầu tư trung hạn đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài trong nội bộ các cơ quan chủ quản.

*4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:*

c) Điều chỉnh kế hoạch đầu tư hằng năm vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước), vốn công trái quốc gia và vốn trái phiếu Chính phủ giữa các ngành, lĩnh vực, chương trình của các bộ, ngành và địa phương nhưng không được vượt quá tổng mức vốn kế hoạch đầu tư trung hạn của từng dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

d) Điều chỉnh kế hoạch đầu tư hằng năm đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài trong nội bộ các cơ quan chủ quản.

Trước ngày 31 tháng 3 hằng năm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư năm trước của các bộ, ngành và địa phương ”.

14. Bổ sung quy định Điều 76 như sau:

“Các bộ, ngành và địa phương chủ động điều chỉnh kế hoạch đầu tư hằng năm vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước), vốn công trái quốc gia và vốn trái phiếu Chính phủ trong nội bộ các ngành, lĩnh vực, chương trình của các bộ, ngành và địa phương, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính. Trường hợp phát hiện việc điều chỉnh không đúng tổng mức vốn theo ngành, lĩnh vực, chương trình, không đúng chế độ quy định, Bộ Kế hoạch và Đầu tư yêu cầu bộ, ngành và địa phương điều chỉnh lại chậm nhất sau 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo điều chỉnh kế hoạch nội bộ trong cùng ngành, lĩnh vực, chương trình của bộ, ngành và địa phương.”

15. Điểm b khoản 1 Điều 76 sửa đổi, bổ sung như sau:

Phương án 1:

“1. Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước:

b) Thời gian giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm được kéo dài đến ngày 31 tháng 01 năm sau. Trường hợp đặc biệt, được cấp có thẩm quyền cho phép thì được kéo dài thời gian giải ngân nhưng không quá kế hoạch đầu tư công trung hạn.”

Phương án 2:

“1. Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước:

b) Thời gian giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm được kéo dài sang năm sau (trừ vốn kế hoạch bố trí cho các dự án đến ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch giải ngân dưới 50% kế hoạch được giao). Trường hợp đặc biệt, được cấp có thẩm quyền cho phép thì được kéo dài thời gian giải ngân nhưng không quá kế hoạch đầu tư công trung hạn.

16. Bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 76 Luật Đầu tư công.

17. Bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 91 Luật Đầu tư công

“Ủy quyền cho Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, cho ý kiến, quyết định chủ trương đầu tư dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc cấp mình quản lý theo quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản này.”

18. Khoản 3 Điều 92 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Quyết định chủ trương đầu tư dự án theo quy định tại khoản 6 Điều 17 của Luật này và quyết định đầu tư chương trình, dự án theo quy định tại khoản 3 Điều 39 của Luật này, *được phân cấp hoặc ủy quyền quyết định đầu tư đối với các dự án nhóm B, nhóm C do cấp tỉnh quản lý (trừ dự án quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39 Luật Đầu tư công) cho cơ quan cấp dưới*”.

**Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2019.

2. Chính phủ quy định chi tiết các điều, khoản được giao trong Luật.

*Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIV, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày tháng năm 2017.*

**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**